UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3163/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 168/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025, số 149/2025/NQ-HĐND ngày 03/7/2025 và số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 294/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 9058/STC-NS ngày 13/12/2025; trên cơ sở ý kiến thống nhất đồng ý của các thành viên UBND tỉnh (qua phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh theo các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1. Phân bổ, giao dự ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc kịp thời, bảo đảm khớp đúng và không thấp hơn mức so với dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ được giao; thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi; tiết kiệm triệt để các khoản chi ngân sách, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương và nguồn chi an sinh xã hội trong năm 2026 từ các nguồn sau:

a) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao; số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2026 của các đơn vị đảm bảo không thấp hơn mức Uỷ ban nhân dân tỉnh giao; thực hiện giữ lại phần tiết kiệm chi ngay từ khâu dự toán trước khi giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị để tạo nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương hàng năm theo quy định.

b) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 còn dư chuyển sang;

c) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu như sau:

- Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,…và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá dịch vụ).

- Đối với thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh, liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo chế độ quy định);

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao khoán kinh phí và tự bảo đảm tiền lương: Đơn vị được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương;

đ) Khi phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện các chính sách an sinh xã hội (ngoài thực hiện tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương tại điểm a khoản 2 Điều này).

3. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ: thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ: giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với Quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị giai đoạn 2026-2030.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính, giao dự toán chi vào phần dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ. Sau khi phương án tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt.

5. Đối với các đề án, chính sách của tỉnh: các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh căn cứ nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, thực hiện theo quy định tại các nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Sở Tài chính chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác, đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan đối với các thông tin, số liệu và nội dung đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XII, Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Lưu VT, TH1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Trần Báu Hà